

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/6/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986; địa chỉ đăng ký thường trú: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà A đường T, khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2005 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở nhà bố mẹ đẻ anh C tại khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm kinh tế gia đình. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần để vợ chồng hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2012 anh C đi Đài Loan đến nay không về; chị D cũng đi Đài Loan từ năm 2015 đến năm 2024 thì về Việt Nam. Thời gian cùng lao động ở Đài Loan nhưng vợ chồng mỗi người ở một nơi, không chung sống cùng nhau, chỉ thỉnh thoảng gặp nhau nhưng mỗi lần gặp thì lại xảy ra tranh cãi. Đến nay chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải, không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy M sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 12/11/2011, hiện đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn C1, bà Trần Thị T tại khu dân cư K, phường C, thành phố C. Các con ở với ông bà nội được đảm bảo sinh hoạt và học tập đầy đủ, phát triển khoẻ mạnh, bản thân chị D đang sống nhờ nhà bố mẹ đẻ, không có nhà riêng, không có công việc và thu nhập ổn định và phải dành nhiều thời gian chăm sóc mẹ đẻ bị bệnh. Do đó chị D đề nghị giao các con chung cho anh C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, vợ chồng tự thoả thuận về cấp dưỡng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị D uỷ quyền cho anh Đoàn Hồng H giao nhận các văn bản với Toà án, mời anh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D; đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Đoàn Hồng H trình bày: Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị D để giao nhận văn bản với Toà án. Anh cam kết thực hiện đúng nội dung của giấy uỷ quyền, nhận các văn bản của Toà án và thông báo, gửi ngay

cho chị D. Anh H cũng đồng ý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D; anh H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị T trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; chị Nguyễn Thị D là vợ anh C và là con dâu ông bà. Anh C và chị D quen biết khi cùng làm việc trong miền N, kết hôn năm 2005 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C chung sống cùng ông bà đến năm 2015 thì đều đi Đài Loan lao động. Khi vợ chồng anh C ở Đài Loan có mâu thuẫn gì thì ông bà không rõ, chị D về Việt Nam khi nào ông bà cũng không biết vì chị D về thẳng nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ông bà chỉ nghe kể rằng do tính cách không hợp nên anh C, chị D không ở được cùng nhau nữa. Ông bà không rõ địa chỉ của anh C ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Toà án nhưng ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh C nên đồng ý nhận các văn bản của Toà án để thông báo cho anh C. Quan điểm của anh C là đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung thì anh C và chị D có 02 con chung là Nguyễn Duy M sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 12/11/2011, hiện đang ở cùng ông bà. Khi ly hôn anh C đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Do anh C đang ở Đài Loan nên uỷ quyền cho ông C1, bà T thay anh C chăm sóc hai cháu trong thời gian anh C không ở Việt Nam thì ông bà đồng ý, chi phí chăm sóc không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì anh C và chị D tự thỏa thuận, anh C không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện anh C ở Đài Loan chưa về được, còn ông bà tuổi cao sức yếu nên đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Công văn số 6478/QLXNC-P3 ngày 02/4/2024, Cục Q – Bộ C2 cung cấp: Anh Nguyễn Văn C xuất cảnh lần gần nhất ngày 23/02/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn C; giao con chung Nguyễn Duy M sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 12/11/2011 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị D không phải cấp dưỡng

cấp dưỡng nuôi con; tạm giao hai cháu cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị T chăm sóc thay trong thời gian anh C không ở Việt Nam; chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị D đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh C. Chị D, anh C đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị D hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm kinh tế gia đình. Thời gian vợ chồng đi lao động ở Đài Loan nhưng không chung sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng gặp mặt thì lại xảy ra tranh cãi. Xét thấy chị D và anh C đã ly thân nhiều năm, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh C có 02 con chung là Nguyễn Duy M sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 12/11/2011, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh C là ông C1, bà T. Chị D và anh C đều đề nghị giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con; cháu M có nguyện vọng được ở với bố và tiếp tục ở với ông bà nội. Mặc dù cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng chị D hiện không có nhà riêng, không có công việc, thu nhập ổn định, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Do anh C đang ở Đài Loan nên tạm giao hai cháu cho ông C1, bà T chăm sóc thay trong thời gian anh C

không ở Việt Nam, chi phí chăm sóc do không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh C không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh C yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị D là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Duy M sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 12/11/2011 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho ông Nguyễn Văn C1, bà Trần Thị T chăm sóc thay trong thời gian anh C không ở Việt Nam. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi dưỡng con.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Đoàn Hồng H nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 14/3/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000513; chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Toà.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng